|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên testcase | Đối tượng test | Ý nghĩa |
| 0 | Kiểm tra chức năng nút button <Edit> có hoạt động khi chương trình đang làm việc | Button trong form chỉnh sửa thông tin khách hang | Thuận tiện cho người dùng muốn thay đổi thông tin khách hang |
| 1 | Kiểm tra chức năng nút button <Edit> có hoạt động sau khi hoàn tất công việc | Button trong form chỉnh sửa thông tin khách hang | Thuận tiện cho người dùng muốn thay đổi thông tin khách hàng |
| 2 | Kiểm tra trường hợp nhập <Họ Tên> sai kiểu dữ liệu | Listview trong form chỉnh sửa thông tin khách hàng | Để xác định chính xác là tên người dùng là một chuỗi |
| 3 | Kiểm tra trường hợp nhập <Họ Tên> để trống | Listview trong form chỉnh sửa thông tin khách hàng | Thông tin khách hang sau khi chỉnh sửa không được để trống |
| 4 | Kiểm tra trường hợp nhập <CMND> để trống | Listview trong form chỉnh sửa thông tin khách hàng | Thông tin khách hang không được để trống |
| 5 | Kiểm tra trường hợp nhập <CMND> sai khi nhập liệu | Listview trong form chỉnh sửa thông tin khách hàng | Đảm bảo việc nhận cmnd của khách hàng là một chuỗi số |
| 6 | Kiểm tra trường hợp nhập <Loại Phòng> để trống | Listview trong form chỉnh sửa thông tin khách hàng | Xác định xem người thuê phòng đang hiện thuê phòng nào |
| 7 | Kiểm tra trường hợp nhập <loại phòng> sai khi nhập liệu | Listview trong form chỉnh sửa thông tin khàng | Phải nhập liệu đúng của loại phòng |
| 8 | Kiểm tra trường hợp nhập <loại khách> để trống | Listview trong form chỉnh sửa thông tin khách hàng | Không dược để trống loại khách, khi khách thuê phòng ở khách sạn |
| 9 | Kiểm tra nút button <Edit> có đặt đúng chỗ | Nút button phải được đặt đúng chỗ trong form chỉnh sửa thông tin khách hàng | Vị trí của nút button phần nào làm cho giao diện them dễ sài và đẹp mắt |
| 10 | Kiểm tra hoạt động của nút button <Thanh Toán> trong khi chương trình đang nhập liệu | Nút button nằm trong form Thanh Toán | Nút button phải hoạt động trong khi đang thao tác |
| 11 | Kiểm tra hoạt động của nút button <Thanh Toán> sau khi hoàn thành việc xem xét các thành phần cần thanh toán | Nút button nằm trong form Thanh toán | Nút button phải hoạt động khi hoàn tất nhập liệu và kiểm tra lại dữ liệu |
| 12 | 4. Kiểm tra trường hợp nhập <Mã Phòng> sai kiểu dữ liệu | Listview trong form thanh toán | Kiểu dữ liệu phải được nhập dung là ký tự |
| 13 | 5. Kiểm tra trường hợp nhập <Mã Phòng> để trống | Listview trong form thanh toán | Nhằm xác định khách hàng ở phòng số mấy trong khách sạn |
| 14 | 6. Kiểm tra trường hợp nhập <Loại Phòng> sai kiểu dữ liệu | Listview trong form thanh toán | Xác định loại phòng khách hàng thuê tại khạch sạn |
| 15 | 15. Kiểm tra trường hợp nhập <Địa Chỉ> sai | Listview trong form thanh toán | Xác định chính xác địa chỉ của khách hàng |
| 16 | 7. Kiểm tra trường hợp nhập <Loại Phòng> để trống | Listview trong form Đặt phòng | Không được để trông loại phòng, nếu để trống không thanh toán cho khách hàng được |
| 17 | 11. Kiểm tra trường hợp nhập <Ngày Trả Phòng> sai kiểu dữ liệu | Listview trong form Đặt phòng | Xem ngày khách thuê phòng để xác định cột mốc tính tiền cho khách hàng |
| 18 | 12. Kiểm tra trường hợp nhập <Ngày Trả Phòng> để trống | Listview trong form Đặt phòng | Nếu ngày trả phòng để trống sẽ không thanh toán được tiền cho khách hàng |
| 19 | Kiểm tra trường hợp nhập <CMND> sai | Listview trong form đặt phòng | Cần xác định số cmnd của khách hàng khi thuê phòng tại khách sạn |
| 20 | Kiểm tra trường hợp nhập <Mã Phòng> sai kiểu dữ liệu | Listvie trong form đặt phòng | Xác định mã phòng để biết khách thuê phòng số mấy của khách sạn |
| 21 | Kiểm tra trường hợp nhập <Ngày Bắt Đầu Thuê> để trống | Listiview trong form đặt phòng | Xác định ngày thuê của khách tiện cho việc tính tiền |
| 22 | Kiểm tra trường hợp nhập <Ngày Bắt Đầu Thuê> sai kiểu dữ liêu | Listiview trong form đặt phòng |  |
| 23 | Kiểm tra trường hợp nhập <Địa Chỉ> để trống | Listiview trong form đặt phòng | Xác định để chỉ của khách hàng khi thuê phòng tại khách sạn |
| 24 | Kiểm tra trường hợp nhập <loại phòng> sai kiểu dữ liệu | Listiview trong form đặt phòng | Loại phòng của khách phải được nhập bằng ký tự số |
| 25 | Kiểm tra trường hợp nhập <loại Phòng> để trống | Listiview trong form đặt phòng | Loại phòng khách thuê không được để trống, nhằm tránh sự nhầm lẫm giữa các khách hàng |
| 26 | Kiểm tra trường hợp nhập <số phòng> sai kiểu dữ liệu | Listiview trong form đặt phòng | Số phòng phải đươc nhập đúng theo kiểu dữ liệu |
| 27 | Kiểm tra trường hợp nhập <số phòng> để trống | Listiview trong form đặt phòng | Số phòng không được để trống để xác định khách thuê phòng ở phòng bao nhiêu |
| 28 | Kiểm tra trường hợp nhập <số lượng khách> để trống | Listview trong form đặt phòng | Số lượng khách nhập vào không quá số lượng khách tối đa của khách sạn |
| 29 | Kiểm tra trường hợp nhập <số lượng khách> sai kiểu dữ liệu | Listview trong form dặt phòng | Số lượng khách là con số, và không vượt quá tối đa số lượng khách do khách sạn quy định |
| 30 | Kiểm tra trường hợp nhập <ngày đặt> để trống | Listview trong form đặt phòng | Xác định ngày khách thuê phòng |
| 31 | Kiểm tra trường hợp nhập <ngày đặt> sai kiểu dữ liệu | Listview trong form đặt phòng | Xác định ngày khách thuê phòng |
| 32 | Kiểm tra trường hợp nhập <thời gian thuê> để trống | Listview trong form đặt phòng | Xác định khách thuê phòng trong bao nhiêu ngày thuận tiện cho việc tính tiền |
| 33 | Kiểm tra trường hợp nhập <thời gian thuê> sai kiểu dữ liệu | Listview trong form đặt phòng | Xác định khách thuê phòng trong bao nhiêu ngày thuận tiện cho việc tính tiền |
| 34 | Kiểm tra chức năng hoạt động của nút button <Đặt Phòng>khi đang nhập lieu | Nút button trong form đặt phòng | Hoàn tất khâu điền thông tin nhân viên sẽ tiến hành đặt phòng qua nút button đặt phòng |
| 35 | Kiểm tra chức năng hoạt động của nút button <Đặt Phòng> sau khi hoàn tất các khâu nhập liệu | Nút button trong form đặt phòng | Hoàn tất khâu điền thông tin nhân viên sẽ tiến hành đặt phòng qua nút button đặt phòng |
| 36 | Kiểm tra chức năng của nút button <Xóa Phòng> | Nút button trong form xóa phòng | Xác định xóa phòng khi phòng đó không còn sử dụng được hoặc đang phải bảo trì |
| 37 | Kiểm tra chức năng hoạt động của nút button <Xóa> | Nút button trong form Xóa thông tin khách hàng | Xóa thông tin khách hàng khi khách hàng không còn thuê phòng |
| 38 | Kiểm tra Quản lý loại khách(nội địa, ngoại quốc) | Listview trong form quản lý khách hàng | Nhằm xác định khách nội địa và khách ngoại quốc |
| 39 | Kiểm tra hoạt động của nút button <Hủy> trong khi chương trình đang nhập liệu | Nút button trong form xóa phòng | ấn nhầm vào nút xóa phòng thì cần có thao tác trở lại màn hình bằng cách nhấn vào nút Hủy để không xóa nhầm |
| 40 | 14. Kiểm tra trường hợp nhập <CMND> để trống | Listview trong form đặt phòng | Xác định khách hàng, danh tính khách thuê phòng |
| 41 |  |  |  |
| 42 |  |  |  |
| 43 |  |  |  |
| 44 |  |  |  |
| 45 |  |  |  |
| 46 |  |  |  |
| 47 |  |  |  |
| 48 |  |  |  |
| 49 |  |  |  |
| 50 |  |  |  |